ĐƠN XIN NHẬP XUẤT CẢNH VIỆT NAM **M3**

ANTRAG FÜR EIN- UND AUSREISEVISUM

(für alle internationalen Grenzübergänge)

Foto
4x6
(Max)

1. Họ và tên (chữ in hoa)/*Name und Vorname (in Blockschrift):*

……..

2. Ngày sinh:……/…..…./……. 3. Giới tính:……..……
Geburtsdatum *Geschlecht*

4. Nơi sinh:……
Geburtsort

5. Quốc tịch gốc:……
Ursprüngliche Staatsangehörigkeit

Quốc tịch hiện tại:……
Jetzige Staatsangehörigkeit

6. Hộ chiếu số:……..
Reisepass Nr.

Ngày cấp:……/……/…… Giá trị đến:……/…...../…...
Ausstellungsdatum *Gültig bis*

Cơ quan cấp: ……
Ausstellungsbehörde

7. Nghề nghiệp:……
Beruf

Nơi làm việc:……..……
Arbeitsstelle

8. Địa chỉ cư trú hiện nay:……
Ständige Anschrift

……

Số điện thoại liên hệ……
Kontakt-Telefonnummer:……..

9. Trẻ em cùng đi (họ tên, ngày sinh, quan hệ)
Mitreisende Kinder (Name und Vorname, Geburtsdatum, Verwandtschaftsverhältnis)

……

……

……

10. Mục đích nhập xuất cảnh:……
Zweck der Reise

11. Họ và tên vợ/chồng người Việt Nam (nếu có):
Name u. Vorname von vietnam. Ehegatte (ggf.)

……..……

12. Tên, địa chỉ nơi vào làm việc hoặc thăm (cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân) ở Việt Nam:
Name u. Anschrift von Geschäftspartner oder Verwandten in Vietnam (Behörde, Institution oder Privatperson)

……..……
……..……
……..……

13. Thời gian dự kiến nhập xuất cảnh Việt Nam:
Geplantes Ein- und Ausreisedatum
Từ ngày:……/……../…… đến:…...../……../……..
von *bis*

14. Số lần nhập cảnh: một ☐ nhiều ☐

Anzahl der Einreisen: einmalig ☐ *mehrfach* ☐

15. Phần dành riêng cho người có gốc Việt Nam:
(Nur für Personen mit vietnam. Abstammung)

- Địa chỉ thường trú ở Việt Nam trước khi xuất cảnh:

…….

- Ngày rời Việt Nam, lý do, hình thức xuất cảnh:

……..……...…

- Đã về Việt Nam lần gần nhất từ…….. đến……..

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng sự thật.

Ich versichere, dass die obigen Angaben der Wahrheit entsprechen und richtig sind.

Làm tại…… ngày……/…...…./…..…..
Ort *Datum*

Ký tên:……...……
Unterschrift

Folgende Unterlagen werden benötigt:

1. ein Antrag (je Person) mit einem Passfoto
2. der Originalreisepass
3. die Visumgebühr als Verrechnungscheck
4. ein ausreichend frankierter Rückumschlag

FOR OFFICIAL USE ONLY

Số điện:……..... ……..
Ngày:……..…/…..……../……..... …….

Số thị thực:……..... …….
Ngày cấp:…..…../…..……../…..……